



**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU
PHARMEDIC**

Thời gian : 8 giờ, Thứ Bảy ngày 21 tháng 04 năm 2018

Địa điểm : Hội trường Trung tâm Hội nghị 272

Số 272 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, Tp.HCM

1. Đăng ký tham dự Đại hội.
2. Văn nghệ chào mừng.
3. Tuyên bố lý do, giới thiệu Đại biểu.
4. Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
5. Nội dung Đại hội :
 - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017.
 - Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2017 và kế hoạch năm 2018.
 - Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và Tờ trình về lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2018.
 - Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.
 - Tờ trình về phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch năm 2018.
 - Tờ trình bổ sung ngành nghề kinh doanh.
 - Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
 - Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.
 - Một số vấn đề khác.
6. Thảo luận các nội dung, cổ đông phát biểu ý kiến và biểu quyết thông qua các nội dung của Đại hội.
7. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.
8. Bế mạc.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

I. Các hoạt động của Hội đồng quản trị

- Năm 2017, Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty đã triển khai thực hiện các vấn đề theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm đạt và vượt kế hoạch đề ra.
- Thực hiện tốt vai trò quản trị và đúng chức năng theo Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị, đảm bảo các vấn đề đều căn cứ vào sự đồng thuận của tất cả thành viên. Tổ chức họp HDQT theo quy định, tham gia các cuộc họp giao ban trực tuyến hàng tháng, qua đó nắm bắt sát tình hình công ty, đề ra các quyết định kịp thời, đúng đắn, tạo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đạt chỉ tiêu theo kỳ vọng.
- Tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện tốt công tác kiểm soát tại công ty, hỗ trợ tích cực Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý điều hành, cùng nỗ lực hoàn thành mục tiêu chung của công ty.
- Hội đồng quản trị đã tổ chức 06 phiên họp (trong đó có 01 phiên họp bất thường), ban hành 10 Nghị quyết và 04 Quyết định. Biên bản, Quyết định và Nghị quyết HDQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, lưu trữ theo đúng quy định và được gửi đầy đủ cho các thành viên HDQT, Ban kiểm soát (BKS). Các cuộc họp của HDQT đều có sự tham dự của Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc để trao đổi, thảo luận và tạo sự nhất trí cao trong các chiến lược, định hướng kinh doanh, chỉ đạo của HDQT đối với Ban điều hành.
- Các thành viên HDQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền HDQT với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên HDQT, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty. Bên cạnh việc thực hiện và hoàn thành các trách nhiệm chung đối với các hoạt động của HDQT, các thành viên HDQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao theo sự phân công của HDQT.
- Trong năm, Hội đồng quản trị đã thông qua: chủ trương đầu tư mua đất xây kho GSP tại Quận 9 và bổ nhiệm một số nhân sự cấp quản lý.
- HDQT đã thống nhất với BKS chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES) là đơn vị kiểm toán năm 2017. Đã thực hiện ký hợp đồng kiểm toán ngày 22/5/2017.
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo đối với Báo cáo tài chính năm 2017 kiểm toán, Báo cáo tài chính bán niên soát xét, Báo cáo tài chính các Quý, Báo cáo quản trị và Báo cáo thường niên năm 2017.
- Phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát nhằm giám sát các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, quản lý chặt chẽ tài sản, nguồn vốn, sử dụng vốn hiệu quả và

minh bạch; đồng thời đảm bảo sự tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật và của Điều lệ Công ty.

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông năm 2017 vào ngày 22/4/2017, kỷ niệm 36 năm ngày thành lập Công ty (30/6/1981 – 30/6/2017).
- Triển khai việc chốt danh sách và chi trả cổ tức phần còn lại năm 2016 (ngày đăng ký cuối cùng 23/3/2017, ngày thanh toán 12/4/2017) và tạm ứng cổ tức năm 2017 (ngày đăng ký cuối cùng 09/8/2017, ngày thanh toán 21/8/2017).
- Các Bộ phận tham gia đóng góp ý kiến sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định tại công ty theo quy định của nhà nước.
- Giám sát, chỉ đạo công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch, chính xác, kịp thời theo đúng quy định hiện hành. Thực hiện các thủ tục cần thiết với các cơ quan quản lý: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam để tạo điều kiện cho các cổ đông đăng ký cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán nhanh chóng, kịp thời.
- Được Hiệp Hội doanh nghiệp hàng Việt Nam chất lượng cao – Báo Sài Gòn Tiếp thị chứng nhận đạt danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao” do người tiêu dùng bình chọn. Danh hiệu: “Doanh nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường” và “Thương hiệu xuất sắc 3 miền và doanh nhân xuất sắc 3 miền”. Top 30 doanh nghiệp thực hiện quản trị công ty tốt nhất HNX 2016-2017.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và Công ty:

- Công ty đã thực hiện đúng các chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước, tích cực bảo vệ môi trường, thực hiện tốt các trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng địa phương. Tập thể Lãnh đạo và người lao động đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn thực hiện tốt các giải pháp theo chỉ đạo của HĐQT và những biện pháp của Ban Tổng Giám đốc trong tổ chức triển khai sản xuất và phân phối sản phẩm cho thị trường góp phần mang lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.
- Năm qua Công ty cũng tích cực tham gia vào các hoạt động cộng đồng, hoạt động tình nguyện, làm sạch môi trường, nâng cao kiến thức của cộng đồng trong các vấn đề về sức khỏe.
- Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đề ra, với tổng doanh thu đạt 437,166 tỷ đồng, tăng 4,54% so với kế hoạch và tăng 3,88% so với năm 2016. Lợi nhuận sau thuế 2017 tăng 9,54% so với kế hoạch và đạt 98,38% so với năm 2016.
- Trong năm qua, Hội đồng quản trị đã theo sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và ghi nhận nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong công tác lãnh đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với định hướng của Hội đồng quản trị, trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của Công ty, Cổ đông, người lao động và nhà đầu tư. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc nắm rõ nguồn lực của Công ty và linh hoạt điều chỉnh kế hoạch, thích ứng với những biến động của thị trường.
- Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ với nhau và với các bộ phận khác trong công tác điều hành và thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc cũng hỗ trợ kịp thời cho cán bộ công nhân viên, quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, duy trì môi trường làm việc ổn định, lành mạnh, thân thiện.

- HĐQT nhận thấy Ban Tổng Giám đốc Công ty đã cố gắng thực hiện nhiều biện pháp củng cố công tác quản trị nội bộ liên quan đến bộ máy tổ chức, nhân sự và công tác sản xuất của các nhà máy. Trong năm 2018, HĐQT tiếp tục đề nghị Ban Tổng Giám đốc đề cao sự chủ động triển khai, xử lý các công việc mà mỗi Phó Tổng Giám đốc phụ trách. Ban Tổng Giám đốc cần tiếp tục hoàn thiện việc xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy trình triển khai công việc của từng bộ phận.

2. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Quỹ thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát : 3,637 tỷ đồng bằng 5% lợi nhuận sau thuế, bình quân tháng trong năm 2017 (chưa trừ thuế TNCN), cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT : 35,52 triệu đồng/ tháng
- Phó Chủ tịch HĐQT : 26,50 triệu đồng/ tháng
- Thành viên HĐQT : 22,50 triệu đồng/ tháng
- Trưởng Ban kiểm soát : 22,50 triệu đồng/ tháng
- Thành viên Ban kiểm soát : 17,66 triệu đồng/ tháng

II. Định hướng phát triển năm 2018

Tiếp tục triển khai các mục tiêu trong chiến lược phát triển của PHARMEDIC giai đoạn 2014 – 2019.

- Triển khai thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, trong đó tập trung hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2018 và bám sát chiến lược phát triển giai đoạn 2014 – 2019 thông qua triển khai các nhóm giải pháp trọng tâm.
- Mở rộng việc kinh doanh các sản phẩm bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, đưa thương hiệu ngày càng lớn mạnh trên thị trường trong nước và quốc tế với mục đích “PHARMEDIC – Sức khỏe và Niềm tin”.
- Tiếp tục thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy mới đạt tiêu chuẩn sản xuất được phẩm theo quy định để tăng năng suất, tạo ra những sản phẩm mới chất lượng cao, giá thành tốt nhất cho người tiêu dùng.
- Tiếp tục đầu tư công nghệ và hoàn thiện quy trình sản xuất theo quy định GPs và hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 : 2015.
- Triển khai nghiên cứu các sản phẩm có nguồn gốc sinh học nhằm chuẩn bị cho sản xuất trên nhà máy mới và đầu tư các trang thiết bị phù hợp với điều kiện nghiên cứu cũng như kiểm nghiệm. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, cải tiến mẫu mã và triển khai các sản phẩm mới, các sản phẩm mà Pharmedic hiện đang có lợi thế.
- Tăng cường mở rộng mạng lưới về các tỉnh miền Tây Nam Bộ, Cao Nguyên, miền Bắc và khai thác địa bàn tiềm năng Tăng cường mối quan hệ và quảng bá hình ảnh Công ty đến khách hàng. Tiếp tục quảng bá thương hiệu PMC và sản phẩm Công ty trên các phương tiện truyền thông.

- Xây dựng và hoàn thiện những định hướng về chính sách nhân sự, chế độ lương thưởng và các phụ cấp để thực hiện chiến lược phát triển bền vững của Công ty.
- Định hướng phát triển tốt mối quan hệ với các nhà đầu tư và cổ đông, đảm bảo việc công bố thông tin theo quy định.
- Phát triển bền vững đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái và trách nhiệm với cộng đồng, đảm bảo đời sống của người lao động, đóng góp ổn định vào ngân sách của thành phố, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

III. Kết luận

Năm 2017 là năm khép lại một chặng đường nhiều thử thách với điều kiện kinh doanh còn nhiều khó khăn và sự cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp, trong đó có rất nhiều công ty doanh thu bị giảm sút, nhờ có sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, cùng với những nỗ lực của toàn thể CBCNV, Pharmedic vẫn giữ được mức tăng trưởng ổn định. Đạt được thành công này Hội đồng quản trị cùng Ban điều hành và tập thể cán bộ công nhân viên trong công ty cùng nhau đoàn kết, nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, để xây dựng Công ty từng bước phát triển.

Hội đồng quản trị sẽ tăng cường vai trò quản lý, giám sát, hỗ trợ tối đa công tác chỉ đạo điều hành, sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác, tạo niềm tin bền vững, hài hòa lợi ích cổ đông và người lao động. Với quyết tâm và nỗ lực của HĐQT, Ban điều hành cùng những ý kiến đóng góp xây dựng của quý vị cổ đông, chúng tôi tin tưởng rằng chúng ta sẽ đạt được kết quả tốt trong năm 2018. Rất mong nhận được sự ủng hộ của quý vị cổ đông, các đối tác và khách hàng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Lê Việt Hùng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018

Phần 1

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH.

Cùng với xu thế phát triển chung của Việt Nam, yêu cầu tăng cường chăm sóc sức khỏe cộng đồng, tăng cường đầu tư phát triển sản xuất & cung ứng dược phẩm đang mở ra những triển vọng cho ngành Dược. Đối với các doanh nghiệp Dược đây sẽ là cơ hội tăng trưởng dành cho các doanh nghiệp có định hướng chiến lược dài hạn. Trên nền tảng danh mục sản phẩm tốt, chất lượng cao, có khả năng mở rộng sản xuất kinh doanh, đồng thời xây dựng & bảo vệ tốt uy tín của mình tại thị trường trong nước cũng như nước ngoài.

Tuy nhiên trước xu thế toàn cầu hóa hội nhập kinh tế, trong năm qua các doanh nghiệp Dược phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt về giá, dược liệu trôi nổi hàng nhái, hàng giả xuất hiện nhiều hơn. Chính sách của nhà nước về quản lý ngành Dược chặt chẽ do yêu cầu hội nhập quốc tế và khu vực.

Với tầm nhìn của một doanh nghiệp, để chọn cho mình hướng đi đúng và điều tiết tốt trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh dược phẩm, cùng với sự nỗ lực của một tập thể tạo nên sự gắn bó và tin tưởng của quý khách hàng. Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic đã duy trì và mở rộng các kênh phân phối mới, chủ động trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Đây chính là điều quyết định sự thành công trong tình hình khó khăn chung của cả nước.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG

1. Về sản xuất- kinh doanh

1.1 Tình hình chung:

- Hoạt động sản xuất ổn định, tập trung các mặt hàng chủ lực đang thu hút trên thị trường.
- Kế hoạch sản xuất- kinh doanh luôn đạt và vượt kế hoạch đã đề ra, đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
- Tiếp tục kinh doanh các mặt hàng mới Thực phẩm chức năng, mỹ phẩm..
- Tiết kiệm chi phí qua việc:
 - + Tìm nguồn nguyên liệu chất lượng, giá cả phải chăng, phù hợp với Thông tư mới của Bộ y tế góp phần gia tăng lợi nhuận của Công ty;
 - + Nghiên cứu và áp dụng đưa chai sạch vào sản xuất.



+ Tiết kiệm trong sản xuất-kinh doanh, giảm chi phí đầu vào.

1.2 Công tác đầu tư trang thiết bị:

- Mục tiêu chiến lược phát triển của Công ty là thay thế dần lao động thủ công bằng tự động hóa nhằm giảm bớt chi phí nhân công lao động, tăng năng suất, nâng tầm phát triển của nhà máy sản xuất ngày càng hiện đại hơn.
- Cải tạo & đầu tư trang thiết bị mới phục vụ sản xuất:
 - + Máy đóng chai thuốc tự động- Model: CJ 500V.
 - + Đối với dây chuyền thuốc nhỏ mắt: Máy cấp chai thành phẩm tự động CJU 830 và máy đóng hộp tự động –Model HSZ-160P.
 - + Kết nối “ Dây chuyền đóng gói thuốc nhỏ mắt”
 - + Máy ép vỉ xé tự động Model KDS-800 (Lắp đặt tại phân xưởng viên bột)
 - + Máy dập viên 39 chày.
 - + Trang bị bộ tụ điện, cân chỉnh, điều hòa hệ thống điện trong nhà máy.
 - + Hoàn thiện hệ thống HVAC khu vực thuốc bột, khu vực Viên sủi, viên nhân đen đạt tiêu chuẩn.
 - + Lắp hệ thống hút giảm nhiệt môi trường cho máy màng co tự động trong dây chuyền đóng gói thuốc nhỏ mắt.
 - + Cải tạo đường ống hơi tăng kỹ thuật phân xưởng Thuốc nhỏ mắt, hệ thống hút mùi và nhiệt môi trường cho máy màng co tự động.
 - + Thay thế hệ thống lạnh khu vực pha chế thuốc nhỏ mắt.
 - + Mở rộng khu vực pha chế thuốc nhỏ mắt, nâng cấp đạt tiêu chuẩn GMP.
 - + Sửa chữa cải tạo, hệ thống xử lý nước thải.

1.3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

(đơn vị tính: triệu đồng)

Nội dung	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	So sánh	
				Đạt tỷ lệ (%) thực tế 2017 so với kế hoạch năm 2017	Đạt tỷ lệ (%) thực hiện 2017 so với thực hiện năm 2016
(1)	(2)	(3)	(4)	(4)/(3)	(4)/(2)
Doanh thu và các khoản thu nhập	420.821	418.200	437.166	104,54%	103,88%
Tổng chi phí	327.921	335.200	345.650	103,12%	105,41%
Lợi nhuận trước thuế	92.900	83.000	91.516	110,26%	98,51%
Lợi nhuận sau thuế	73.932	66.400	72.737	109,54%	98,38%
Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	18.968	16.600	18.779	113,13%	99,00%

- Tổng doanh thu đạt 437.166 tỷ đồng, tăng 3,88% so với kế hoạch và 4,54% so với năm 2016. Lợi nhuận sau thuế năm 2017 đạt 98,38%, giảm 1,62% so với năm 2016.
- Trong năm 2017, Công ty Pharmedic đã nộp ngân sách nhà nước giảm 1 % so với năm 2016 do thuế suất TNDN giảm xuống còn 20%.

2. Hoạt động tiếp thị & nghiên cứu phát triển

- Doanh số đạt trên 100% so với thực hiện năm 2016 và kế hoạch năm 2017 đối với Nhà thuốc TPHCM, Tỉnh và doanh số trúng thầu.
- Tiếp tục tăng cường công tác tiếp thị, thực hiện quảng cáo trên các truyền thông.
- Xây dựng và triển khai chương trình khuyến mãi thích hợp.
- Công tác đăng ký: Đã có được 9 số đăng ký, trong đó có 3 mặt hàng mới. Hồ sơ đăng ký lại tại Cục Quản lý Dược: 13 sản phẩm. Hồ sơ đăng ký mới tại Cục Quản lý Dược: 8 sản phẩm. Hồ sơ thay đổi/ bổ sung: 13 sản phẩm. Hồ sơ cập nhật nhằm chuẩn bị gia hạn: 1 sản phẩm. Bổ sung hồ sơ gửi Cục Quản lý Dược: 35 sản phẩm. Gia hạn số đăng ký 50 sản phẩm. Bảo hộ: 8 nhãn hiệu hàng hóa. Gia hạn nhãn hiệu hàng hóa: 9 nhãn hiệu hàng hóa. Đăng ký COPP + FS: 5 sản phẩm.
- Công tác nghiên cứu: Triển khai sản xuất Nacofar theo số đăng ký mới, các mỹ phẩm gia công. Triển khai đăng ký mới: Chlorhexidine sát trùng tay, Poltex.
- Một số hồ sơ MH chưa nộp nhưng đã hoàn chỉnh công thức Povidine 1% súc miệng, Povidine 10% ...
- Công tác thẩm định: Đã thẩm định hoàn thành 26 mặt hàng đang sản xuất.
- Thực hiện thiết kế nội dung toa theo hướng dẫn Cục QLD: trên tài liệu tham chiếu trên mạng EMC, DailyMed...
- Thực hiện nghiên cứu mới lựa chọn từ 2 nhà cung cấp uy tín trở lên không để bị động khi mua nguyên liệu.

3. Hoạt động đảm bảo và kiểm tra chất lượng:

- Thường xuyên theo dõi và kiểm tra việc áp dụng đúng đắn các quy chế, quy định, các SOP hiện hành trên các nguyên tắc thực hành tốt GPs
- Năm 2017, thực hiện kiểm tra 3713 hồ sơ lô.
- Kiểm tra các hồ sơ thẩm định theo GMP, hồ sơ đăng ký thuốc. Phối hợp với Phòng HCQT: Trong công tác kiểm soát môi trường, khai thác nước ngầm/ xả thải. Chất thải nguy hại năm 2017. Lập hồ sơ xin gia hạn Giấy phép xả thải do đặc môi trường lao động để làm hồ sơ ATVSLĐ năm 2017.
- Kiểm tra các thông số môi trường PX định kỳ hàng quý. Kiểm định cân định kỳ năm 2017. Hiệu chuẩn nhiệt ẩm kế năm 2017. DNV-GL đánh giá giám sát ISO định kỳ lần 2 năm 2017.
- Lập hồ sơ xin tái xét duyệt GDP, GMP; Đào tạo (phối hợp với phòng Tổ chức)
- Tiến hành đánh giá nội bộ xét ISO và chỉnh sửa, cập nhật các SOP phù hợp ISO phiên bản mới (ISO-2015)

30
COP
MH
RHS
HO

- Công tác kiểm nghiệm đánh giá bao bì sạch đưa vào sản xuất góp phần giảm chi phí.

4. Công tác tài chính kế toán:

- Thực hiện đúng việc các quy định về báo cáo cho UBCK và cập nhật trên trang web của công ty.
- Quản lý chặt chẽ tài sản, nguồn vốn, sử dụng vốn hiệu quả, đảm bảo tính minh bạch và công khai tài chính.
- Tích cực công tác theo dõi, thu hồi công nợ, giảm tối đa tỷ lệ nợ khó đòi.
- Đội ngũ kế toán luôn được cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ, nắm bắt kịp thời các chính sách về tài chính, thuế để đáp ứng yêu cầu của Công ty.
- **Kết quả nhiệm vụ công tác:**

(đơn vị tính: triệu đồng)

Nội dung	Năm 2016	Năm 2017
Tổng giá trị tài sản	296.991	332.446
Doanh thu thuần	413.937	429.602
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	92.610	91.336
Lợi nhuận khác	290	180
Lợi nhuận trước thuế	92.900	91.516
Lợi nhuận sau thuế	73.932	72.737

- Dựa theo bảng cân đối kế toán trong năm 2017, tổng giá trị tài sản của Công ty tăng 11,94%, so với cùng kỳ năm trước đạt 332.446 tỷ đồng, tuy nhiên lợi nhuận sau thuế giảm 1,62% so với cùng kỳ năm trước do phát sinh tăng các khoản sau: Nộp BHXH 1 tỷ đồng và trích khấu hao tăng 2 tỷ đồng.

5. Hoạt động đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

- Công ty áp dụng điều chỉnh và đăng ký thang bảng lương áp dụng từ 01/01/2018. (theo quy định mới của Nhà nước)
- Thực hiện đầy đủ các chế độ, quyền lợi cho Người lao động theo quy định của Nhà nước và Công ty.
- Công ty đã sửa đổi & bổ sung các quy chế, quy định sau Hội nghị người lao động như :
 - + Thỏa ước lao động tập thể 2017;
 - + Quy chế lương, phụ cấp và các quy định khác có liên quan;

- + Quy chế thi đua khen thưởng;
- + Quy chế mua sắm và đầu tư;
- + Quy chế quản lý & sử dụng xe ô tô;
- + Quy chế chi tiêu nội bộ;
- + Quy định trách nhiệm người đứng đầu;
- + Quy định ra vào cổng của CB-CNV;
- + Quy định về sử dụng điện;
- Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho CB-CNV:
 - + Tổng quan về Logistics;
 - + ISO 9001:2015 (nắm vững lý thuyết về tiêu chuẩn mới để chuẩn bị chuyển từ ISO 9001-2008 qua ISO 9001-2015);
 - + GMP nâng cao, an toàn lao động, nội quy lao động;
 - + Các buổi huấn luyện kỹ năng, nghiệp vụ khác.
- Thành lập Tổ Pháp chế trực thuộc P.Tổ chức, trên cơ sở giải quyết các vấn đề về công nợ & những việc liên quan đến thực hiện xử lý và thu hồi công nợ theo đúng trình tự pháp lý.
- Phát động phong trào thi đua & tạo động lực khuyến khích CB-CNV đăng ký sáng kiến cải tiến, tiết kiệm chi phí & phục vụ cho công tác tốt hơn.
- Sắp xếp, bố trí & cải thiện môi trường làm việc nhằm tăng năng suất lao động, mang lại hiệu quả trong công việc, góp phần tăng doanh thu, lợi nhuận & nâng cao thu nhập của người lao động.

6. Về tuân thủ pháp luật và bảo vệ môi trường:

- Trong quá trình hoạt động sản xuất, Công ty thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, tuân thủ các quy định của pháp luật thông qua các báo cáo định kỳ như sau:
 - + Báo cáo giám sát môi trường;
 - + Báo cáo xử lý chất thải nguy hại;
 - + Đối với khí thải và chất thải rắn công ty luôn đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn quy định và kết hợp với một số đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý đúng quy định;
 - + Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải và các biện pháp giảm thiểu xử lý chất thải đảm bảo theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về môi trường.
- Tuân thủ các quy định của Bộ Y tế về sản xuất dược phẩm.
- Thực hiện nghiêm túc công tác phòng cháy chữa cháy, duy trì trật tự, an toàn trong toàn công ty, xây dựng nét đẹp văn hóa nơi công sở.
- Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải và các biện pháp giảm thiểu xử lý chất thải, đảm bảo theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về môi trường.
- Thực hành tiết kiệm chống lãng phí qua việc rà soát các công tác, chi phí trong toàn Công ty.

13.5
 TỶ
 ÁN
 100 A
 DIC
 CHỈ TIÊU

Phần 2

PHƯƠNG HƯỚNG, KẾ HOẠCH NĂM 2018

I. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

- Căn cứ kế hoạch sản xuất- kinh doanh đã được Hội đồng Quản trị thông qua và dự báo nhu cầu tình hình thực tế trên thị trường, kế hoạch được đề ra trong năm 2018 như sau:
 - + Tổng doanh thu: 440 tỷ đồng
 - + Lợi nhuận trước thuế: 88 tỷ đồng
 - + Lợi nhuận sau thuế: 70,4 tỷ đồng.
- Pharmedic phần đầu hoàn thành vượt mức kế hoạch 2018. Lập thành tích chào mừng năm cuối cùng của nhiệm kỳ HĐQT 2014-2019.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

- Tập trung vào việc sớm hoàn thành dự án xây dựng nhà máy mới để tăng năng suất, tạo ra những sản phẩm mới chất lượng cao, giá thành tốt nhất cho người tiêu dùng. Chuẩn bị sẵn sàng triển khai xây dựng nhà máy mới sau khi được UBND TP giao đất.
- Triển khai nghiên cứu các sản phẩm có nguồn gốc sinh học nhằm chuẩn bị cho sản xuất trên nhà máy mới và đầu tư các trang thiết bị phù hợp với điều kiện nghiên cứu cũng như kiểm nghiệm.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, cải tiến và triển khai các mặt hàng mới; các mặt hàng đang sản xuất như Povidine.
- Cải tiến quy trình sản xuất, đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, hợp tác kinh doanh: gia công các mặt hàng mỹ phẩm
- Tiếp tục cải tiến mẫu mã bao bì, chú trọng đến việc chuyển qua sản xuất bao bì sạch.
- Tăng cường công tác tiếp thị, cải tiến mẫu mã hàng khuyến mãi. Thực hiện kế hoạch xuất khẩu trong năm đạt 87.000 USD; Tiếp thị nhà thuốc TPHCM 41,3 tỉ; Tiếp thị bệnh viện TPHCM 13,3 tỉ (tăng trưởng hơn so với năm trước)
- Tiếp tục mở rộng kênh bán hàng về Thực phẩm chức năng, mỹ phẩm..
- Phát triển hệ thống phân phối đưa sản phẩm đến với người tiêu dùng tại các vùng sâu, xa xôi hẻo lánh .. tăng sản lượng các mặt hàng chủ lực và có tiềm năng.
- Nâng cấp và quản lý hệ thống đánh nội bộ theo phiên bản mới ISO 9001-2015.
- Thực hiện đúng việc kiểm tra báo cáo tài chính trong năm.
- Bồi dưỡng kiến thức cho CB –CNV qua các lớp đào tạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc.
- Thực hiện chế độ chính sách cho người lao động phù hợp và đúng quy định.
- Rà soát, thống kê hồ sơ pháp lý, kỹ thuật của Công ty. Xây dựng phương án lưu trữ thống nhất hồ sơ trong toàn Công ty.

Phần 3

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong năm 2017, Công ty CPDPDL Pharmedic có những kết quả khả quan trên là do lãnh đạo Công ty luôn kịp thời, sâu sát chỉ đạo trong các hoạt động chung và thực hiện tốt các nội dung công việc đã đề ra như sau:

- Chủ động bám sát thị trường trong & ngoài nước để dự trữ vật tư một cách hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Luôn hướng tới chính sách chất lượng:
 - + Đạt chất lượng và cải tiến liên tục trong suốt quá trình sản xuất sản phẩm và dịch vụ phân phối;
 - + Chấp hành mọi luật định trong sản xuất và phân phối .
- Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm qua việc tiếp thu phản ánh từ thị trường.
- Đầu tư trang thiết bị mới, thay thế một số máy móc lạc hậu kỹ thuật.
- Đẩy mạnh phong trào lao động sáng tạo, cải tiến, tiết kiệm chi phí, luôn nghiên cứu sản phẩm mới đưa vào sản xuất.
- Đổi mới chương trình quảng bá sản phẩm. Cải tiến thủ tục mua bán và phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn.
- Phát động phong trào bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn trong toàn Công ty.
- Không ngừng cải thiện đời sống của người lao động về vật chất cũng như tinh thần.
- Tổ chức tốt các phong trào thi đua, tạo ra sự đoàn kết và tập trung phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu đề ra.
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông năm 2017, Hội nghị người lao động 2017, đối thoại định kỳ.

Trước tình hình khó khăn chung, Ban lãnh đạo cùng tập thể CB-CNV Công ty đã nỗ lực phấn đấu và không ngừng cố gắng hoàn thành nhiệm vụ, kế hoạch đề ra và sẽ cố gắng tiếp tục phát huy hơn nữa, tạo đà thực hiện thắng lợi trong những năm tới ngày một thành công hơn ./.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Việt Trung

Tp Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2017

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

- Căn cứ điều lệ Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic
- Căn cứ quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
- Căn cứ Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2017 của công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán Chuẩn Việt ngày 12/03/2018.

Thay mặt Ban Kiểm soát, tôi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 về những nội dung như sau:

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Căn cứ chức năng, trách nhiệm của Ban Kiểm soát được quy định trong Điều lệ, trong năm qua Ban Kiểm soát đã thực hiện:

- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành trong việc triển khai Nghị quyết Đại hội cổ đông, trong việc chấp hành điều lệ của Công ty.
- Giám sát kiểm tra việc thực hiện kế hoạch SXKD, kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức.
- Kiểm tra sổ sách kế toán của Công ty theo từng quý và kết thúc năm tài chính.
- Xem xét các báo cáo do tổ chức kiểm toán thực hiện.
- Kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm phát hiện những thiếu sót, từ đó đề ra những kiến nghị và giải pháp chấn chỉnh kịp thời.
- Tham gia giám sát thanh lý nguyên vật liệu, hàng hóa.
- Tham gia họp thường kỳ và họp bất thường với HĐQT và thực hiện họp nội bộ Ban Kiểm soát.

2. Tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính:

Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán năm 2017 bởi Công ty Kiểm toán Chuẩn Việt. Qua soát xét, Ban Kiểm soát thống nhất với ý kiến nhận xét và đánh giá về hoạt động tài chính năm 2017 của kiểm toán đối với Công ty, các chỉ tiêu tài chính tóm tắt trọng yếu như sau:

a/ Tình hình tài sản và nguồn vốn.

DVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Chênh lệch +/-	Tỷ lệ +/-
1	Tổng tài sản, trong đó:	296,99	332,44	+ 35,45	+ 11,19%
a	- Tài sản ngắn hạn	249,89	277,29	+ 27,4	+ 10,96%
b	- Tài sản dài hạn	47,09	55,15	+ 8,06	+ 17,11%
2	Tổng nguồn vốn, trong đó:	296,99	332,44	+ 35,45	+ 11,19%
a	- Nguồn vốn chủ sở hữu	238,33	268,75	+ 30,42	+ 12,76%
	Tr.đó: Nguồn vốn điều lệ	93,32	93,32	0	
	Quỹ đầu tư phát triển	97,15	128,72	+ 31,57	33,49%

Tổng giá trị tài sản và nguồn vốn của công ty đến 31/12/2017 đạt 332,44 tỷ đồng, tăng 35,45 tỷ đồng, tương ứng tăng 11,19% so với cùng kỳ năm 2016. Một trong những nguyên nhân chính của việc tăng giá trị tài sản của công ty là trong năm qua Công ty cải tạo nâng cấp nhà xưởng, đầu tư máy móc thiết bị nâng cao năng suất sản xuất, tăng dự trữ hàng tồn kho.

Giá trị tài sản cố định đầu tư trong năm 2017 đạt 17,22 tỷ đồng, tăng 11% so với năm 2016.

Đến thời điểm 31/12/2017, Nguồn vốn chủ sở hữu tăng phần lớn là do trích Quỹ đầu tư phát triển bổ sung. Năm 2017 trích quỹ thêm 31,57 tỷ đồng. Cuối năm 2017 Quỹ đầu tư phát triển đạt 128,72 tỷ đồng, tăng 33,49% so với cùng kỳ. Như vậy, Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn, vốn chủ sở hữu tăng thêm trên 12,76 % so với năm 2016.

b/ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Ban Kiểm soát kinh trình ĐHCĐ kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

DVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2016	KH 2017	TH 2017	Tỷ lệ +/- TH17/16	Tỷ lệ +/- TH17/KH17
1	Doanh thu và các khoản thu nhập. Tr.đó: DT SX chính	420,82 413,93	418,5 415,0	437,16 429,6	+3,88% +3,78%	+44,5% + 3,51%
2	Lợi nhuận trước thuế	92,89	83,0	91,51	-1,48%	+10,24%
3	Lợi nhuận sau thuế	73,93	66,4	72,73	-1,62%	+ 6,33%
4	Tỷ lệ chia cổ tức cho cổ đông (%)	24	24	24	0%	0%
5	Lãi cơ bản trên 1 cp EPS (đồng)	5.783		5.690	-1,60%	

- Tổng doanh thu và các khoản thu nhập năm 2017 đạt: 437,16 tỷ đồng tăng tăng 3,88% so với thực hiện năm 2016. Trong đó doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh chính là 429,6 tỷ đồng tăng 3,78 % so với thực hiện năm 2016 và tăng 3,51 % so với kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế cả năm 2017: 91,51 tỷ đồng tăng 10,24 % so với kế hoạch. Nhưng giảm 1,48% so với thực hiện năm 2016.

- Năm 2017 do những biến động lớn về giá cả thị trường nhựa, bao bì cùng với những thay đổi về chính sách tiền lương, BHXH nên dẫn đến chi phí nguyên phụ liệu, bao bì, BHXH tăng mạnh (chi phí BHXH, BHYT tăng 12,5% so với năm 2016, chi phí nguyên phụ liệu, bao bì tăng 4,8%), đây là những yếu tố làm ảnh hưởng đến lợi nhuận, khó khăn này là tình hình chung của toàn ngành và đã được Ban giám đốc dự báo trước, cân nhắc khi lập kế hoạch cho năm 2017.

Bên cạnh đó, nhằm nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh phục vụ cho mục tiêu lâu dài, trong năm 2017 Công ty đã đầu tư thêm gần 20 tỷ đồng để mua sắm tài sản cố định, nên chi phí khấu hao TSCĐ đã tăng 18,6% so năm 2016.

Tuy lợi nhuận giảm so với năm 2016, nhưng doanh thu vẫn tăng trưởng ở mức gần 4% và chỉ tiêu doanh thu - lợi nhuận đều tăng trưởng vượt kế hoạch đề ra trong năm, tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017 tiếp tục ổn định.

c/ Quỹ lương và thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên:

DVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Chênh lệch +/-	Tỷ lệ Tăng giảm
1	Tổng quỹ lương	110.410	108.961	-1.449	-1,31%
2	Số lao động bình quân (người)	607	622	+ 15	+2,47%
3	Tiền lương bình quân (trồng)	15,16	14,60	- 0,56	-3,69%
4	Thu nhập bình quân (trồng)	17,36	16,96		

* Thu nhập bình quân tháng trong năm 2017 (lương + thưởng+ thù lao HDQT) (chưa trừ thuế TNCN) của HDQT, ban Kiểm soát và Ban lãnh đạo Công ty như sau:

✓ Chủ tịch HDQT	: 35,52 triệu đồng
✓ Thành viên HDQT	: 22,50 triệu đồng
✓ Trưởng ban KS	: 26,40 triệu đồng
✓ TV Ban KS	: 17,66 triệu đồng
✓ Tổng Giám đốc	: 121,05 triệu đồng
✓ Phó TGD phụ trách sản xuất	: 107,73 triệu đồng
✓ Phó TGD phụ trách tài chính	: 98,88 triệu đồng
✓ Phó TGD phụ trách tổ chức hành chính	: 80,59 triệu đồng
✓ Phó TGD phụ trách kinh doanh	: 68,75 triệu đồng
✓ Phó TGD phụ trách nghiên cứu phát triển	: 58,14 triệu đồng
✓ Phó TGD phụ trách chất lượng	: 60,75 triệu đồng

d/ Tình hình công nợ :

DVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Chênh lệch +/-	Tỷ lệ +/-
1	Tổng nợ phải thu	46,29	41,74	- 4,55	-9,82%
	Tr.đó: Phải thu khách hàng	33,67	33,49	-0,18	-0,53%
	Dự phòng nợ khó thu	0,547	0,624	+0,077	+14,07%
2	Tổng nợ phải trả	58,65	63,69	+5,04	+8,59%
	Tr.đó: Phải trả người bán	9,98	12,85	+2,87	+28,75%

Tỷ lệ xác nhận nợ phải thu là: 61%

Tỷ lệ xác nhận nợ phải trả người bán là: 85%

e/ Phương án phân phối lợi nhuận:

Công ty đã thực hiện đúng nghị quyết của ĐHĐCĐ năm trước, đề xuất ĐHĐCĐ năm nay về phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 là 72,73 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- ❖ Trả lãi cổ đông 24 %/ cổ phiếu, tương ứng 22,398 tỷ đồng bằng 30,79 % lợi nhuận sau thuế

- ❖ Trích quỹ thù lao Hội đồng quản trị : 3,64 tỷ đồng bằng 5 % lợi nhuận sau thuế
- ❖ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi : 16,0 tỷ đồng bằng 22 % lợi nhuận sau thuế
- ❖ Trích quỹ đầu tư phát triển phần lợi nhuận còn lại: 30, 7 tỷ đồng bằng 42, 21 % lợi nhuận sau thuế .

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT):

HĐQT của Công ty gồm 7 người do ĐHCĐ bầu nhiệm kỳ 2014-2019.

Trong năm 2017 HĐQT đã tổ chức 5 cuộc họp thường kỳ và 1 cuộc họp bất thường. Chương trình nghị sự của các cuộc họp HĐQT tập trung vào các vấn đề chủ yếu như: đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong quý, giải quyết những khó khăn vướng mắc, bản bạc kế hoạch phát triển, kế hoạch chủ trương đầu tư xây dựng nhà máy mới tại khu công nghệ cao quận 9, kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết đề ra của phiên họp kỳ trước, triển khai việc thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ.

Các thành viên HĐQT có đóng góp ý kiến về các vấn đề nêu ra trong chương trình nghị sự.

4. Hoạt động của Ban Điều hành:

Ban Điều hành Công ty bám sát các nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT trong việc điều hành. Triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và chỉ đạo các Phòng, Ban chức năng thực hiện các biện pháp để hoàn thành kế hoạch. Nhờ vậy đạt được các chỉ tiêu kế hoạch quan trọng về tổng doanh thu, về lợi nhuận. Ngoài ra còn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước; quan tâm đến đời sống cán bộ công nhân viên, phát huy hiệu quả bộ máy tổ chức và quản lý của Công ty.

CS

BS

Ban Kiểm soát xét thấy báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic đã phản ánh hợp lý tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2017. Việc tổ chức hạch toán, lưu trữ chứng từ đại bộ phận được thực hiện đúng các quy định của kế toán hiện hành và các chuẩn mực kế toán theo quy định của pháp luật.

Ban Kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội một số nội dung như trên và mong Đại hội đồng cổ đông đóng góp ý kiến để Ban Kiểm soát làm tốt hơn nữa chức năng, nhiệm vụ mà cổ đông đã giao trong năm tài chính tiếp theo.

Ban Kiểm soát xin trân trọng cảm ơn Quý vị cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, các phòng ban Công ty đã hỗ trợ, tạo điều kiện giúp Ban kiểm soát thực hiện tốt nhiệm vụ trong năm tài chính 2017.

Xin trân trọng báo cáo và kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phạm Thị Hoàng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
V/v lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 có hiệu lực thi hành từ 01/07/2015;
- Căn cứ Điều 33 Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic;
- Căn cứ vào yêu cầu thực tế công tác kế toán và kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Dược phẩm dược liệu Pharmedic.

Ban Kiểm soát kiến nghị Đại hội cổ đông chọn Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt – Vietvalues để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần Dược phẩm dược liệu Pharmedic.

Công ty Kiểm toán Chuẩn Việt là Công ty kiểm toán được phép kiểm toán các công ty niêm yết, đã thực hiện kiểm toán Công ty trong các năm qua với chi phí hợp lý.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phạm Thị Hoàng



Số: 2255 /18/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic, được lập ngày 12 tháng 3 năm 2018 (từ trang 08 đến trang 33), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm dược liệu Pharmedic tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2018.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Ths. Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số: 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Trần Văn Hiệp – Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 2141-2018-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**

**TỜ TRÌNH BÁO CÁO PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2017
 VÀ KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2018**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 có hiệu lực thi hành từ 01/07/2015;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic ngày 22/8/2016;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức thực hiện năm 2017 và kế hoạch năm 2018 như sau:

I. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2017:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	TỔNG SỐ
I	LỢI NHUẬN SAU THUẾ PHÂN PHỐI	72.737.279.096
1	Quỹ thù lao HĐQT, BKS, Ban CV [(I) x 5%]	3.636.863.955
2	Quỹ khen thưởng [(I) x 15%]	10.910.591.864
3	Quỹ phúc lợi [(I) x 7%]	5.091.609.537
4	Cổ tức trả cổ đông	
4.1	Số cổ phiếu đang lưu hành	9.332.573
	- Cổ phiếu cổ đông Nhà nước	4.054.309
	- Cổ phiếu tư nhân	5.278.264
4.2	Mệnh giá cổ phiếu	10.000
	Tỷ lệ trả cổ tức/năm/mệnh giá	24%
4.3	Số cổ tức phải trả cổ đông [(4.1) x (4.2) x 24%]	22.398.175.200
	- Cổ đông Nhà nước	9.730.341.600
	- Cổ đông tư nhân	12.667.833.600
5	Lợi nhuận còn lại trích lập quỹ đầu tư phát triển [(I) - (1) - (2) - (3) - (4.3)]	30.700.038.540

• Chi trả cổ tức năm 2017:

- Tỷ lệ thực hiện 24%/ cổ phần (một cổ phần được nhận 2.400 đồng).

- Tạm ứng kỳ 1 (22/8/2017): tỷ lệ 10%/ cổ phần (một cổ phần được nhận 1.000 đồng).
- Chi trả phần còn lại (12/4/2018): tỷ lệ 14%/ cổ phần (một cổ phần được nhận 1.400 đồng).

II. KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2018:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chi tiêu	Tỷ lệ	Kế hoạch
1	Lợi nhuận sau thuế		70.400.000.000
2	Quỹ thù lao HĐQT, Ban KS	5%	3.520.000.000
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22%	15.488.000.000
4	Số cổ tức trả cổ đông (Tỷ lệ trả cổ tức/năm/mệnh giá : 24%)		22.398.175.200
5	Lợi nhuận còn lại trích Quỹ ĐTPT		28.993.824.800

Ghi chú:

- Tỷ lệ trả cổ tức sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.



Lê Việt Hùng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU
PHARMEDIC

V/v bổ sung bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic ngày 22/8/2016.
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 04/4/2018.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic và phê duyệt sửa đổi điều lệ tương ứng với nội dung ngành nghề kinh doanh bổ sung mới như sau:

Stt	Mã ngành	Nội dung thay đổi, bổ sung (Tên ngành)	Ghi chú
1.	Địa chỉ Email Công ty	contact@pharmedic.com.vn	thay đổi
2.	2023	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. <u>Chi tiết:</u> “Sản xuất mỹ phẩm, sản phẩm dinh dưỡng”.	bổ sung
3.	2100	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu <u>Chi tiết:</u> Sản xuất dược phẩm, dược liệu và các sản phẩm khác thuộc ngành y tế. Gia công chế biến 1 số nguyên phụ liệu (chủ yếu từ dược liệu để sản xuất một số mặt hàng có tính chất truyền thống). Sản xuất nguyên liệu làm thuốc, hương liệu, tinh dầu, sản phẩm sinh học, thuốc cổ truyền.	bổ sung
4.	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. <u>Chi tiết:</u> Kinh doanh dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, vật tư y tế và các sản phẩm khác thuộc ngành y tế. “Bán buôn nguyên liệu làm thuốc, hương liệu, sản phẩm sinh học, sản phẩm dinh dưỡng, thuốc cổ truyền.”	bổ sung
5.	4772	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh. <u>Chi tiết:</u> Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, vật tư y tế, mỹ phẩm. “ Bán lẻ hương liệu, dược liệu, sản phẩm sinh học, sản phẩm dinh dưỡng, thuốc cổ truyền”	bổ sung
6.	0128	Trồng cây gia vị, trồng cây dược liệu	thêm mới

		Chi tiết: Trồng cây dược liệu, đầu tư nơi trồng và cây con làm thuốc.	
7.	1702	Sản xuất giấy, bì nhãn, bao bì túi giấy Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm giấy, bì nhãn, bao bì túi giấy.	thêm mới
8.	1709	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bì chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ giấy và bì chưa được phân vào đâu.	thêm mới
9.	2029	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ hóa chất chưa biết phân vào đâu.	thêm mới
10.	2220	Sản xuất bao bì từ plastic Chi tiết: Sản xuất chai lọ, bao bì dược phẩm và các dụng cụ y tế từ plastic, hạt nhựa.	thêm mới
11.	4610	Đại lý môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý cho các Hãng sản xuất Dược phẩm, hãng sản xuất nguyên liệu làm thuốc, Công ty Dược trong và ngoài nước.	thêm mới
12.	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế, bán buôn máy móc thiết bị khác chưa được phân vào đâu.	thêm mới
13.	4789	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ, bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ. Bán lẻ dụng cụ xét nghiệm, bán lẻ dụng cụ y khoa.	thêm mới
14.	5210	Hoạt động cho thuê kho bãi và lưu trữ hàng hóa Chi tiết: Cho thuê kho bãi và lưu trữ hàng hóa.	thêm mới
15.	5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ Logistics, hoạt động giao nhận hàng hóa, dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu.”	thêm mới
16.	7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Dịch vụ kiểm tra, kiểm nghiệm, phân tích thuốc, phân tích thực phẩm chức năng, hóa mỹ phẩm.	thêm mới
17.	8292	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác Chi tiết: Dịch vụ đóng gói, gia công sản phẩm.	thêm mới
18.	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu.	thêm mới

Việc bổ sung các ngành, nghề kinh doanh có mã ngành nêu trên cho Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic là quan trọng và cần thiết để đáp ứng nhu cầu mở rộng thị trường sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Việt Hùng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU
PHARMEDIC

V/v sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ Công Ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan;
- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng ngày 06/6/2017 (Nghị định 71);
- Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/9/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP (Thông tư 95) và kèm phụ lục số 01 Điều lệ mẫu;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic ngày 22/8/2016.
- Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo bảng tham chiếu sửa đổi đính kèm.

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty là cần thiết nhằm đảm bảo quy định của Luật doanh nghiệp 2014, Luật chứng khoán, Nghị định 71 và Thông tư 95.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

Trân trọng.



Lê Việt Hùng

BẢNG THAM CHIẾU
Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công Ty Cổ Phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

(Kèm theo Tờ trình số: 06/PMC-HDQT ngày 03/4/2018 của Hội đồng quản trị)

Những nội dung gạch dưới được lược bỏ trong Điều lệ cũ và được bổ sung/ thay thế trong Điều lệ mới.

NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THEO ĐIỀU LỆ MẪU
<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1.a. "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại <u>Điều 5</u> Điều lệ này;</p> <p>1.c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;</p> <p>1.d. "<u>Cán bộ quản lý</u>" là Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và <u>các vị trí quản lý khác</u> trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1.a. "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại <u>Điều 6</u> Điều lệ này;</p> <p>1.c. "<u>Luật chứng khoán</u>" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;</p> <p>1.d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh <u>và các giấy tờ có giá trị tương đương</u>) lần đầu;</p> <p>1.e. "<u>Người điều hành doanh nghiệp</u>" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và <u>người điều hành khác</u> theo quy định của Điều lệ Công ty;</p> <p>1.g. "<u>Cổ động lớn</u>" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;</p>
<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>1. Tên Công ty</p> <p>- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC</p> <p>- Tên tiếng Anh: PHARMEDIC PHARMACEUTICAL MEDICINAL JOINT STOCK COMPANY</p> <p>- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC</p> <p>- Tên viết tắt: PHARMEDIC JSC</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo <u>Điều 48</u> Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>1. Tên Công ty</p> <p>- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC</p> <p>- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: PHARMEDIC PHARMACEUTICAL MEDICINAL JOINT STOCK COMPANY</p> <p>- Tên giao dịch: <u>(bỏ tên giao dịch)</u></p> <p>- Tên Công ty viết tắt: PHARMEDIC JSC</p> <p>- Bỏ mục 4.</p> <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo <u>khoản 2 Điều 52</u> hoặc <u>gia hạn hoạt động theo Điều 53</u> Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>
<p>Bổ sung Điều 3</p>	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của PHARMEDIC JSC.</p> <p>2. Người đại diện theo pháp luật của PHARMEDIC JSC có trách nhiệm sau đây:</p>

	<p>a. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;</p> <p>b. Trung thành với lợi ích của PHARMEDIC JSC, không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho PHARMEDIC JSC về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác;</p> <p>3. Người đại diện theo pháp luật của PHARMEDIC JSC chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho PHARMEDIC JSC do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này.</p>
<p>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh đối với các ngành nghề không bị pháp luật cấm đầu tư kinh doanh và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>
<p>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông, cổ phần chi phối, cổ phần đặc biệt và cổ phần ưu đãi. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11 Điều lệ này.</p> <p>6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi (20) ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</p>	<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông, cổ phần chi phối, cổ phần đặc biệt và cổ phần ưu đãi. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.</p> <p>6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</p>

<p>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>3. Trong thời hạn <u>bảy (07) ngày</u> kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p>	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>3. Trong thời hạn <u>mười (10) ngày</u> kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p>
<p>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.</p>	<p>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</p>
<p>Điều 9. Thu hồi cổ phần</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại <u>khoản 4 Điều 111 Luật Doanh nghiệp</u>. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 112 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại <u>khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp</u>. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>
<p>Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</p> <p>Công ty có quyền lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình công ty cổ phần quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</p> <p>Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. Tổng giám đốc.
<p>Điều 11. Quyền của cổ đông</p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc <u>thực hiện bỏ phiếu từ xa, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử</u>. Cổ đông có thể tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ</p>	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>2. <u>Cổ đông phổ thông</u> có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc <u>theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ này quy định</u>;</p>

phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này;

đ. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

4. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau đây:

a. Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp;

b. Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;

c. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

đ. Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

đ. Sử dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;

đ. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

4. (Bỏ mục này)

<p>chức, cá nhân khác;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	
<p>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết <u>trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p>
<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. <u>Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.</u></p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>b. <u>Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</u></p> <p>c. <u>Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ này;</u></p> <p>d. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;</u></p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này;</p>	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. <u>Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</u></p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>b. <u>Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</u></p> <p>c. <u>Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</u></p> <p>d. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</u></p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên</u> còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;</p>

<p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>b. Báo cáo tài chính năm;</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại <u>khoản 1 Điều 14</u> khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện <u>theo</u> tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.</p>	<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>b. Báo cáo tài chính năm <u>đã được kiểm toán</u>;</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại <u>khoản 2 Điều này</u> khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện <u>tương ứng</u> với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua <u>giao dịch</u> khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc <u>chào mua công khai</u> theo quy định của pháp luật.</p>
<p>Điều 15. Các đại diện được ủy quyền</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</p>	<p>Điều 16. Các đại diện được ủy quyền</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. <u>Cổ đông có thể ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoặc các tổ chức lưu ký làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp tổ chức lưu ký được cổ đông ủy quyền làm đại diện, tổ chức lưu ký phải công khai nội dung được ủy quyền biểu quyết. Người được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông không được ủy quyền lại cho người thứ ba tham dự đại hội.</u></p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông <u>tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức</u> được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi <u>đăng ký dự họp</u> trước khi vào phòng họp.</p>
<p>Điều 16. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất <u>51% cổ phần</u> phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ</p>	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất <u>65% cổ phần</u> phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ</p>

đồng nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đồng nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đồng (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đồng nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;

3. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông được gửi đến các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng Cổ đông. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

4. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương.

5. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải bao

đồng nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đồng nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đồng (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đồng nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ

gồm: chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; phiếu biểu quyết; mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 6 Điều 17 trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bản học và thông qua;

d. Các trường hợp khác.

8. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

9. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

đồng hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5]% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Bổ mục 8, 9

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3, Điều 17 của Điều Lệ này.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá ba (03) người theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không thay đổi.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất [51%] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng [ba mươi (30)] ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng [hai mươi (20)] ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Bổ mục 4

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

7. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.

8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.

9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa

<p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.</p> <p>Hàng năm, Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>điểm đại hội có thể:</p> <p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.</p> <p>12. Hàng năm, Công ty tổ chức <u>họp</u> Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p>
<p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại <u>Khoản 2 Điều 20</u>, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>1.1. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>1.2. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;</p> <p>1.3. <u>Bầu</u>, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bỏ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành.</p> <p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (<u>trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp</u>) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (<u>đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</u>).</p>	<p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại <u>khoản 2, khoản 3 Điều này</u>, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ [51%] trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</p> <p>c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bỏ nhiệm Tổng giám đốc.</p> <p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ [65%] trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>
<p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Quy trình, thủ tục xin ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được nêu rõ tại Quy chế quản trị nội bộ của công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. <u>Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông</u>. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước</p>	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p><u>Bộ mục 2</u></p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất <u>[mười lăm (15)] ngày</u> trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và <u>tài liệu kèm theo</u> được thực hiện theo quy định tại</p>

<p>ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;</u></p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của <u>cổ đông là cá nhân</u>; tên, <u>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức</u>; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, <u>của người đại diện theo ủy quyền</u> hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p> <p>a. Gửi thư: <u>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</u> Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư <u>và bị tiết lộ</u> trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông <u>không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty</u>. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;</u></p> <p>7. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ <u>và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</u></p>	<p><u>khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</u></p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>mã số doanh nghiệp;</u></p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số <u>Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân</u>; tên, <u>mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, <u>hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân</u>, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</p> <p>5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</p> <p>a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư <u>hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu</u> trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông <u>không phải là người điều hành doanh nghiệp</u>. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>mã số doanh nghiệp;</u></p> <p>7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. <u>Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</u></p>
---	---

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Việc gửi biên bản có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty và gửi cho cổ đông nếu có yêu cầu. Biên bản Đại hội đồng cổ đông có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác và được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, số chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến <u>Đại hội đồng cổ đông</u>, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại <u>Khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ <u>nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. 2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. 3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 của Luật này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. 4. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. 	<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến <u>cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc</u>, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <u>khoản 3 Điều 12 Điều lệ này</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p> <p><u>Bỏ mục 3</u></p> <p><u>Chuyển mục 4 lên mục 2</u></p>
<p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

<p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. <u>Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</u></p>	<p>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ học vấn; c. Trình độ chuyên môn; d. Quá trình công tác; e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty; g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); i. Các thông tin khác (nếu có).</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. <u>Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</u></p>
<p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị trong từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất <u>20%</u> tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 151 Luật doanh nghiệp.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp</p>	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị trong từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất <u>một phần ba (1/3)</u> tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp</p>

<p>sau:</p> <p>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>đ. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</p>	<p>sau:</p> <p>b. Có đơn từ chức;</p> <p>đ. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>Bỏ mục 5</p>
<p>Điều 25. Quyền hạn và <u>nhiệm vụ</u> của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các <u>quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông</u>.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>a. Quyết định <u>kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm</u>;</p> <p>c. <u>Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ</u>;</p> <p>đ. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;</p> <p>m. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.</p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và <u>nghĩa vụ</u> của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và <u>nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông</u>.</p> <p>Bỏ mục 2</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định <u>chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty</u>;</p> <p>c. <u>Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ</u>;</p> <p>đ. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;</p> <p>f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</p>

<p>l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và <u>xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;</u></p> <p>e. Đề xuất các loại <u>cổ phiếu có thể</u> phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</p> <p>g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và <u>các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</u></p> <p>h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, <u>cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi</u> trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p> <p>i. Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</p> <p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);</p> <p>i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;</p> <p>5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc điều hành và <u>những cán bộ quản lý khác</u> trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và <u>các cán bộ quản lý</u> đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>	<p>h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;</p> <p>i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; <u>quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;</u></p> <p>k. Đề xuất các loại <u>cổ phần</u> phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;</p> <p>l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và <u>trái phiếu kèm chứng quyền;</u></p> <p>m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p> <p>n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).</p> <p>Bổ mục i.</p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại <u>khoản 2 Điều 135 và khoản 1</u>, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;</p> <p>i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% <u>tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;</u></p> <p>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và <u>người điều hành khác</u> trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và <u>người điều hành khác</u> đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>
<p>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền <u>thay thế</u>) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng</p>	<p>Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng</p>

<p>quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.</p> <p>8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p>	<p>quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.</p> <p>2. [Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. <u>Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty</u>].</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p>
<p>Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p>	<p>Điều 29. Chủ tịch Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>Kể từ ngày 01/8/2020 Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm Tổng Giám đốc.</p> <p>4. <u>Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.</u> Trường hợp Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p>
<p>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội</p>	<p>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc</p>

đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;
- b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Ban Kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm [(05) ngày làm việc] trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- e. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp.

12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghi sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

9. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều 27, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm

biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua hình thức hội nghị trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

vì lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 35 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Thành viên Hội đồng quản trị không được quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

15. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

<p>16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.</p>	<p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.</p>
<p>Điều 31. Thư ký Công ty</p> <p>Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm.</p> <p><u>Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</u></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát. 2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp. 3. Tham dự các cuộc họp. 4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp. 5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. <p>Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. 2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau: <ol style="list-style-type: none"> a. Có hiểu biết về pháp luật; b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị. 3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm. 4. <u>Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</u> <ol style="list-style-type: none"> a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông; b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d. Tham dự các cuộc họp; e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật; f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên; g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty. h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

<p>Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và <u>trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị</u>. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc điều hành, các Phó Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.</p>	<p>Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và <u>chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty</u>. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.</p>
<p>Điều 29. Cán bộ quản lý</p> <p>1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng <u>cán bộ quản lý cần thiết</u>, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và <u>thông lệ quản lý công ty</u> do Hội đồng quản trị <u>đề xuất tùy từng thời điểm</u>. <u>Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</u></p> <p>2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc <u>điều hành</u> do Hội đồng quản trị quyết định và <u>hợp đồng với những cán bộ quản lý khác</u> do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc điều hành.</p>	<p>Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp</p> <p>1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng <u>người điều hành khác</u> với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và <u>quy chế quản lý của Công ty</u> do Hội đồng quản trị <u>quy định</u>. <u>Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</u></p> <p>2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và <u>hợp đồng với những người điều hành khác</u> do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.</p>
<p>Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc điều hành</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc <u>thuê người khác làm Tổng Giám đốc điều hành</u>; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc điều hành là năm (05) năm <u>cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị</u> và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc <u>điều hành</u> không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.</p> <p>3. Tổng Giám đốc <u>điều hành</u> có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>e. Kiến nghị số lượng và các loại <u>cán bộ quản lý</u> mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm <u>nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;</u></p>	<p>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, <u>được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm</u> và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này <u>và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</u></p> <p>3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>e. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>e. Kiến nghị số lượng và <u>người điều hành doanh nghiệp</u> mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm <u>theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;</u></p>

<p>h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc <u>điều hành</u> và pháp luật.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc điều hành khi có <u>từ hai phần ba (2/3)</u> thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc điều hành mới thay thế.</p>	<p>i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế <u>nội bộ</u> của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi <u>đa số</u> thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc điều hành) và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.</p>
<p>Điều 32. Thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>6. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</p> <p>7. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p>Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại <u>khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này</u>.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>
<p>Điều 32. Thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>1. Số lượng <u>thành viên Ban Kiểm soát</u> phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. <u>Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp. Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý của Công ty và không phải là người trong bộ phận kế toán của Công ty. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của Công ty.</u></p> <p>3. Kiểm soát viên không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>4. Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty.</p> <p>5. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p>	<p>Điều 37. Kiểm soát viên</p> <p>1. Số lượng <u>Kiểm soát viên</u> của Công ty là [ba (03)] người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. <u>Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</u></p> <p>a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</p> <p>b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty <u>trong ba (03) năm liền trước đó</u>.</p> <p>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát <u>phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp</u> và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p>

<p>8. Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Kiểm soát viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại <u>Điều 164 Luật Doanh nghiệp</u>;</p> <p>d. <u>Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát ra quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống</u>;</p> <p>b. <u>Kiểm soát viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty</u>;</p> <p>c. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ Kiểm soát viên đó không còn năng lực hành vi dân sự</p> <p>e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban Kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;</p> <p>b. <u>Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng</u>;</p> <p>c. <u>Có đơn từ chức và được chấp thuận</u>;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p> <p>5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p>
<p>Điều 33. Ban Kiểm soát</p> <p>1. Ban Kiểm soát có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. <u>Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan</u>;</p> <p>b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng, quý và các báo cáo tình hình kinh doanh của Công ty;</p> <p>đ. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>e. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;</p> <p>g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;</p> <p>h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.</p>	<p>Điều 38. Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>a. <u>Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty</u>;</p> <p>b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</p> <p>c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;</p> <p>d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>

<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. <u>Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</u></p> <p>3. Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban Kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và <u>số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.</u></p> <p>4. Mức thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của <u>Ban Kiểm soát</u> được thanh toán các khoản chi phí đi lại, <u>khách sạn</u> và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban Kiểm soát.</p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và <u>người điều hành doanh nghiệp khác</u> phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu <u>về công tác quản lý, điều hành</u> và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. <u>Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác</u> cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với <u>cổ đông</u> và thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và <u>cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</u></p> <p>4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. <u>Kiểm soát viên</u> được thanh toán các khoản chi phí <u>ăn ở, đi lại</u> và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</p>
<p>Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức</u></p>	<p>Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và <u>người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</u></p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp <u>công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</u></p> <p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên</u></p>

mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện

Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [hai mươi phần trăm(20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn [hai mươi phần trăm(20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người

<p>theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cần vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cần vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc điều hành và cán bộ quản lý vi phạm tôn chỉ, mục đích, Điều lệ và các quy định khác của Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Công ty theo sự xem xét và quyết định cho từng trường hợp cụ thể của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Người vi phạm gây thiệt hại cho Công ty có quyền đề đạt ý kiến, nguyện vọng và các căn cứ xác đáng để xin miễn, giảm trách nhiệm bồi thường trong quá trình xem xét của Hội đồng quản trị.</p>	<p>điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cần vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cần vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p> <p>4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p> <p>Bổ mục 4, 5</p>
<p>Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại <u>Khoản 2 Điều 24 và Khoản 6 Điều 32</u> Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>	<p>Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại <u>khoản 2 Điều 25</u> Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>
<p>Điều 39. Phân phối lợi nhuận</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty <u>nhưng không vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ</u></p>	<p>44. Phân phối lợi nhuận</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.</p>

<p><u>đồng.</u></p> <p>2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.</p> <p>Bổ sung mục 6</p>	<p>Bổ mục 2</p> <p>6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>
<p>Điều 40. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận:</p> <p>Doanh số của Công Ty sau khi trừ tổng chi phí và các khoản phải nộp cho ngân sách Nhà Nước sẽ thành lãi ròng. Phần lãi ròng này, sau khi đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và bù lỗ cho niên khóa trước nếu có, số còn lại được qui ra 100% được phân phối như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thù lao và thưởng các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát - Lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho cán bộ công nhân viên - Chia lãi cổ đông (cổ tức) và lập quỹ đầu tư phát triển : 73% <p><u>Chia ra:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia lãi cổ đông (cổ tức): <p>Theo đề nghị của Hội Đồng Quản Trị, Đại Hội Đồng Cổ Đông hàng năm biểu quyết thông qua tỷ lệ phần trăm (%) mức chia lãi cổ đông (cổ tức).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số còn lại chuyển vào quỹ đầu tư phát triển. <p>Trong niên khóa kinh doanh, nếu tình hình tài chính cho phép, Hội Đồng Quản Trị tạm ứng một kỳ cổ tức để chia cho cổ đông và tùy tình hình thực tế phát sinh sẽ thanh toán phần cổ tức còn lại cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết thông qua.</p>	<p>Bổ Điều này</p>
<p>Điều 43. Chế độ kế toán</p> <p>3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.</p>	<p>Điều 47. Chế độ kế toán</p> <p>3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. <u>Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.</u></p>
<p>Điều 44. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p> <p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại <u>Điều 46</u> Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.</p>	<p>Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p> <p>1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại <u>Điều 50</u> Điều lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Cơ quan đăng ký kinh doanh và thông qua Đại hội đồng cổ đông.</p>

<p>Điều 46. Kiểm toán</p> <p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.</p>	<p>Điều 50. Kiểm toán</p> <p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p>
<p>Điều 47. Con dấu</p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Công ty. Mẫu con dấu được thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và được khắc theo quy định của luật pháp.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành sử dụng, quản lý và lưu giữ con dấu theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty</p>	<p>Điều 51. Con dấu</p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành</p>
<p>Điều 48. Chấm dứt hoạt động</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p>	<p>Điều 52. Chấm dứt hoạt động</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p>
<p>Điều 50. Thanh lý</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;</p> <p>c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;</p> <p>d. Các khoản vay (nếu có);</p>	<p>Điều 54. Thanh lý</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</p> <p>c. Nợ thuế;</p>
<p>Điều 52. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ</p>	<p>Điều 56. Điều lệ công ty</p>
<p>Điều 53. Ngày hiệu lực</p> <p>Bản điều lệ này gồm 21 chương 53 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic nhất trí thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2015 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2015 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p>	<p>Điều 57. Ngày hiệu lực</p> <p>Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic nhất trí thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2018 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 có hiệu lực kể từ ngày ký và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU
PHARMEDIC

V/v sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng ngày 06/6/2017 (Nghị định 71);
- Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/9/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP (Thông tư 95) và kèm phụ lục số 01 Điều lệ mẫu;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic ngày 22/8/2016.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc ban hành mới Quy chế nội bộ về quản trị công ty cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (*theo dự thảo Quy chế chi tiết đính kèm*) thay thế cho Quy chế quản trị công ty ban hành theo Quyết định số 24/PMC-HĐQT ngày 30/7/2013 của Hội đồng quản trị.

Lý do sửa đổi, bổ sung: cập nhật theo Thông tư 95 và Nghị định 71

Cơ sở pháp lý ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty:

- Điều 7 Nghị định 71, quy định:

"1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty được Hội đồng quản trị xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị công ty không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty để công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty."

- Điều 4 Thông tư 95, quy định: *"Công ty đại chúng tham chiếu mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Phụ lục số 02 Thông tư này để xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Điều lệ công ty."*

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty là cần thiết nhằm đảm bảo quy định của Luật doanh nghiệp 2014, Nghị định 71 và Thông tư 95.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng.



Lê Việt Hùng

**DỰ THẢO QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**

(Kèm theo Tờ trình số: 07/PMC-HĐQT ngày 09/4/2018 của Hội đồng quản trị)

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (PHARMEDIC JSC) để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp và phối hợp trong hoạt động, kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Người điều hành, Người quản lý của PHARMEDIC JSC.
2. Quy chế điều chỉnh các nội dung chủ yếu sau:
 - a. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị;
 - d. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm kiểm soát viên;
 - e. Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành PHARMEDIC JSC;
 - f. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc;
 - g. Quy định về đánh giá hàng năm hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành;
 - h. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
 - i. Các vấn đề khác.
3. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được điều chỉnh bởi Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Quản trị công ty" là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:
 - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Công khai minh bạch mọi hoạt động của PHARMEDIC JSC.
 - b. "Công ty" là Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic.
 - c. "Điều lệ" là Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại từng thời điểm.

- d. “Website” là Trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic.
2. Các thuật ngữ khác chưa được giải nghĩa tại Quy chế này sẽ được hiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.

CHƯƠNG II.

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội cổ đông phải thực hiện công bố thông tin việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 18 Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung, chương trình đại hội theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - b. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - c. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - d. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - e. Thông báo và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - f. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều 3 Quy chế này;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên website PHARMEDIC JSC và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ dựa trên số cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ;
- b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

d. Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên website PHARMEDIC JSC. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông thì thông báo mời họp phải ghi rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp (trên website) để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết (thẻ biểu quyết), phiếu bầu cử;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho PHARMEDIC JSC trước thời hạn ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một (01) người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Cổ đông có thể ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoặc các tổ chức lưu ký làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp tổ chức lưu ký được cổ đông ủy quyền làm đại diện, tổ chức lưu ký phải công khai nội dung được ủy quyền biểu quyết. Người được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông không được ủy quyền lại cho người thứ ba tham dự đại hội. Việc ủy quyền được thực hiện theo Điều 16 Điều lệ Công ty, phải lập thành văn bản theo mẫu của PHARMEDIC JSC và phải có chữ ký và đóng dấu (nếu là tổ chức) theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và chữ ký của cá nhân hoặc chữ ký của người đại diện theo pháp luật có đóng dấu của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền/người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và chữ ký của cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật có đóng dấu của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với PHARMEDIC JSC).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp PHARMEDIC JSC nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

5. Người được ủy quyền phải từ 18 tuổi trở lên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

1. Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết theo cách thức đã được ghi trong thông báo, cụ thể như sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nếu có);
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử (được thực hiện theo khoản 5 Điều 22 Điều lệ Công ty)

2. Khi tiến hành đăng ký dự họp, PHARMEDIC JSC cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết (phiếu biểu quyết), trên đó ghi số đăng ký, tên (họ và tên đối với cá nhân) của cổ đông, tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu, người giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

Đại hội đồng cổ đông thông qua thể lệ bầu cử, biểu quyết cụ thể tại Đại hội.

3. Thẻ biểu quyết phải có các thông tin sau:
 - a. Tên cổ đông;
 - b. Mã cổ đông;
 - c. Số cổ phiếu sở hữu hoặc được ủy quyền;
 - d. Nội dung biểu quyết;
 - e. Ý kiến biểu quyết: (1) tán thành; (2) không tán thành; (3) không có ý kiến.

4. Cách thức biểu quyết:

- a. Đối với mỗi nội dung biểu quyết, cổ đông/người được ủy quyền được chọn một ý kiến biểu quyết bằng cách đánh dấu (X) vào ý kiến biểu quyết lựa chọn.
- b. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung có nhiều hơn một ý kiến biểu quyết được chọn. Khi đó, các nội dung biểu quyết còn lại được biểu quyết hợp lệ sẽ vẫn được tính vào kết quả biểu quyết.

5. Phiếu biểu quyết, phiếu bầu hợp lệ phải đáp ứng được tất cả các điều kiện sau:

- a. Theo mẫu do Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông phát hành;
- b. Phiếu không tẩy xóa, cạo sửa những nội dung in ấn. Khi có bổ sung nội dung thì ghi đúng số thứ tự của nội dung cần biểu quyết, không viết thêm nội dung khác, ngoại trừ các nội dung theo yêu cầu của Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông;
- c. Đối với mỗi nội dung biểu quyết, phiếu có chọn một (01) trong ba (03) (ba) ý kiến biểu quyết của nội dung đó;
- d. Đối với các phiếu biểu quyết thực hiện theo hình thức thông qua gửi thư hoặc lấy ý kiến bằng văn bản thì phải đáp ứng thêm điều kiện: Phong bì chứa Phiếu biểu quyết (Phong bì 1) còn niêm phong; Phiếu biểu quyết phải có đầy đủ các thông tin: về tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền và con dấu đối với cổ đông là tổ chức.

6. Phiếu biểu quyết không hợp lệ là các Phiếu biểu quyết không đáp ứng một trong các điều kiện của khoản 5 Điều này.

Điều 7. Cách thức kiểm phiếu biểu quyết

1. Chủ tọa yêu cầu Đại hội đồng cổ đông thành lập Ban kiểm phiếu có ít nhất ba (03) thành viên khi được quá bán tổng số cổ đông tham dự cuộc họp biểu quyết thông qua. Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra tính hợp lệ và tổng hợp kết quả kiểm phiếu.
2. Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và ứng viên thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên;
 - b. Thành viên Ban Tổng Giám đốc và ứng viên thành viên Ban Tổng Giám đốc;
 - c. Những người có liên quan đối với những đối tượng nêu tại điểm a, b khoản 2 Điều này được xác định theo quy định của khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán và khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
3. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm kiểm phiếu, sau khi kết thúc cuộc họp Đại hội, Ban kiểm phiếu lập Biên bản kiểm phiếu và báo cáo kết quả kiểm phiếu trước Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo này được tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu ký. Các thành viên từ chối ký Biên bản sẽ giải thích lý do từ chối và lý do này sẽ được đưa vào phụ lục của Biên bản kiểm phiếu.
4. Trong trường hợp tại Đại hội phát sinh các nội dung biểu quyết mới hoặc điều chỉnh các nội dung hiện hữu thì các cổ đông thực hiện quyền biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu từ xa sẽ được xem như vắng mặt tại nội dung đó. Tỷ lệ biểu quyết sẽ được tính trên tỷ lệ các cổ đông biểu quyết hoặc ủy quyền biểu quyết tại Đại hội.
5. Để đảm bảo thủ tục kiểm phiếu được công khai và rõ ràng, Ban kiểm phiếu phải được giám sát trong quá trình kiểm phiếu. Chủ tọa cuộc họp đề cử cổ đông (trụ tiên là cổ đông thiểu số và độc lập với Công ty) chịu trách nhiệm giám sát quá trình kiểm phiếu.

Cổ đông thực hiện giám sát quá trình kiểm phiếu có quyền ngăn chặn hành vi vi phạm quy chế hoặc thể lệ biểu quyết và bầu cử tại Đại hội và báo cáo Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông về những dấu hiệu bất thường trong quá trình kiểm phiếu.

Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu biểu quyết

1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội phải tổng hợp số phiếu biểu quyết, số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành, không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.
2. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu; trường hợp việc kiểm phiếu kéo dài sang ngày hôm sau thì Chủ tọa có trách nhiệm thông báo cho cổ đông dự họp kết quả kiểm phiếu trên website PHARMEDIC JSC, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Kết quả kiểm phiếu sẽ được xác định theo từng nội dung biểu quyết và được tính theo tỉ lệ phần trăm (%) làm tròn đến 02 (hai) số thập phân.
4. Trưởng Ban kiểm phiếu có trách nhiệm thay mặt Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu tại Đại hội.

Điều 9. Cách thức phân đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc tổ chức lại Công ty, thay đổi quyền và nghĩa vụ của cổ đông (theo quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp)

1. Cổ đông biểu quyết phân đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình.
2. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu PHARMEDIC JSC mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến cuộc họp, lập biên bản và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.
2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

- j. Việc lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều 23 Điều lệ Công ty.
3. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải đọc dự thảo biên bản tại Đại hội để các cổ đông dự họp kiểm tra nội dung trước khi trình Chủ tọa ký.
 4. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được Thư ký Hội đồng quản trị lưu giữ tại trụ sở chính của PHARMEDIC JSC.

Điều 11. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua bằng hình thức gửi thư hoặc đăng tải lên website PHARMEDIC JSC.
2. PHARMEDIC JSC phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về công bố thông tin và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 12. Đại hội cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty theo Điều 22 Điều lệ Công ty.
2. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III.

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện cụ thể như sau:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 18 Luật doanh nghiệp;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của quá năm (05) công ty khác từ ngày 01/8/2019.

Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

1. Các cổ đông nắm giữ từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế này. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử hoặc ứng cử để bầu vào Hội đồng quản trị phải được gửi về cho Hội đồng quản trị đương nhiệm chậm nhất mười (10) ngày trước khi Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức.
4. Danh sách ứng viên được đề cử hoặc ứng cử vào Hội đồng quản trị (kèm theo lý lịch, thông tin) theo Điều 18 Quy chế này và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của PHARMEDIC JSC và địa điểm nơi tổ chức Đại hội.

Điều 15. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ Công ty. Theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo thể lệ quy chế bầu cử.
2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu PHARMEDIC JSC.
3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.
5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:
 - a. Phiếu không phải của Ban Tổ chức phát hành;
 - b. Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;
 - c. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
 - d. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
6. Kết quả bầu cử được công nhận ngay sau khi biên bản bầu cử được Chủ tọa thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 26 Điều lệ Công ty.

Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên website của PHARMEDIC JSC để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
2. Trình độ học vấn;
3. Trình độ chuyên môn;
4. Quá trình công tác;

5. Các nơi mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
6. Các lợi ích có liên quan tới PHARMEDIC JSC (nếu có);
7. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
8. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV.

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
3. Thông báo mời họp phải ghi rõ thời gian, địa điểm họp, nội dung hoặc chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo giấy mời phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp đó.
4. Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc nếu không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
5. Các nội dung khác của cuộc họp của Hội đồng quản trị, được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty.

Điều 20. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
3. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
4. Họp qua điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.
- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.
- c. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại. Trường hợp không có một nhóm như vậy, địa điểm cuộc họp được xác định là nơi Chủ tọa cuộc họp hiện diện.
- d. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

Điều 21. Cách thức biểu quyết

Cách thức biểu quyết được quy định tại khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

1. Trừ quy định tại khoản 2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.
2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
3. Theo quy định tại khoản 2 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa cuộc họp và phán quyết của Chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.
4. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 5 Điều 40 của Điều lệ Công ty sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 23. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c. Thời gian, địa điểm họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.
 - j. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.
3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị

Nghị quyết Hội đồng quản trị phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.

CHƯƠNG V.

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.
2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý và Người điều hành của PHARMEDIC JSC. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của Công ty.

3. Kiểm soát viên không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty

1. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử như trên vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế này. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 27. Cách thức bầu Kiểm soát viên

1. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu biểu quyết, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Kiểm soát viên và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Cách thức, thể lệ bầu Kiểm soát viên được thực hiện tương tự như bầu thành viên Hội đồng quản trị.
2. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho kiểm soát viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí thể lệ bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VI.

LỰA CHỌN, BỎ NHIỆM VÀ BÃI, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 30. Các tiêu chuẩn của Người điều hành

Người điều hành Công ty theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 1 Điều lệ Công ty gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các Người điều hành khác của Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm.

1. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc theo Điều 65 Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong một hoặc các lĩnh vực hoạt động, quản lý kinh doanh của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện tốt các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công;
 - c. Trung thực, mãn cán và có uy tín;
 - d. Không đồng thời làm người điều hành ở công ty khác;
 - e. Phó Tổng Giám đốc có thể do Tổng Giám đốc lựa chọn và giới thiệu cho Hội đồng quản trị.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng:
 - a. Tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Kế toán:
 - Không thuộc đối tượng những người không được làm kế toán quy định của pháp luật kế toán;
 - Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của Công ty.
 - b. Đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Kế toán:
 - Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện tốt các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công;
 - Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng theo quy định. Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là năm (05) năm;
 - Không thuộc các trường hợp không được làm kế toán theo quy định tại Điều 19 Nghị định 174/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật Kế toán.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Người điều hành, quản lý khác:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị, kinh doanh liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

Điều 31. Việc bổ nhiệm người điều hành

1. Bổ nhiệm Tổng Giám đốc: Việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Điều lệ Công ty.
 - Hội đồng quản trị Công ty là cơ quan trực tiếp thực hiện việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, chấp nhận từ chối đối với người điều hành.
 - Hội đồng quản trị đề xuất, nhận xét, đánh giá đối với cá nhân cán bộ được đề xuất.
2. Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác: Tổng Giám đốc đề xuất lựa chọn cán bộ để giới thiệu cho Hội đồng quản trị căn cứ vào tiêu chuẩn và nhu cầu công việc của vị trí cần bổ nhiệm.
3. Sau khi tập hợp danh sách các ứng viên để bổ nhiệm vào từng vị trí Người điều hành, Hội đồng quản trị tổ chức lấy phiếu tín nhiệm. Nếu ứng viên đạt hai phần ba (2/3) ý kiến biểu quyết nhất trí của các thành viên Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị ra Nghị quyết bổ nhiệm vào vị trí đã biểu quyết.
4. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những Người điều hành khác của Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

Điều 32. Ký hợp đồng lao động đối với Người điều hành

1. Sau khi có quyết định bổ nhiệm của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 31 Quy chế này, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc ký hợp đồng lao động với Người điều hành các cấp trở xuống (bao gồm cả phụ lục hợp đồng lao động).
2. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 35 của Điều lệ Công ty.

Điều 36. Các trường hợp miễn nhiệm Người điều hành

1. Người điều hành xin từ chức phải làm đơn gửi Hội đồng quản trị ít nhất bốn mươi lăm (45) ngày kể từ khi Hội đồng quản trị tiếp nhận đơn. Trong trường hợp này, Người Điều hành đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm và thực hiện bàn giao công việc theo quy định của Công ty.
2. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người điều hành trong trường hợp sau:
 - a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
 - b. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
 - c. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

Điều 36. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành

Công ty phải công bố thông tin về việc bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm Người điều hành theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VII.

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 37. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị mời Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành tham dự một số cuộc họp của Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, những Người điều hành được mời có thể tham gia thảo luận trong một số cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp này cho Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những Người điều hành sau khi cuộc họp kết thúc.
2. Những vấn đề cần phải quyết định ngay, không thể triệu tập họp Hội đồng quản trị theo quy định được xử lý bằng chế độ hội ý giữa Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên và Tổng Giám đốc, sau đó báo cáo lại Hội đồng quản trị trong cuộc họp gần nhất.
3. Ban kiểm soát thông báo kịp thời với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kiểm soát, đồng thời làm việc với Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông.
4. Tại các phiên họp của Ban Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát tham gia cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc để thảo luận về những vấn đề có liên quan.

Điều 38. Thông báo Nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

Nghị quyết của Hội đồng quản trị sẽ được chuyển đến cho Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 39. Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm báo cáo trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty.

Điều 40. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị.

1. Tổng Giám đốc hoặc Ban kiểm soát được đề nghị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị theo khoản 3 Điều 30 Điều lệ Công ty.
2. Những vấn đề theo Điều 27 Điều lệ Công ty phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

Điều 41. Mối quan hệ công việc giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Tổng Giám đốc là Người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng các phương án hoạt động để trình Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

3. Tổng Giám đốc kiến nghị Hội đồng quản trị những vấn đề được quy định tại khoản 3 Điều 35 Điều lệ Công ty và những vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
4. Tổng Giám đốc báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nghĩa vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
5. Tổng Giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của Nhà nước và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng văn bản để Hội đồng quản trị kịp thời giải quyết.
6. Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ,...). Đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong thời gian gần nhất.
7. Các mối quan hệ công việc khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 42. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

Điều 43. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc, Người điều hành và Người quản lý trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.
2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và thành viên Ban Tổng Giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế làm việc và kế hoạch hành động chung tạo điều kiện để các bên tiếp cận thông tin theo quy định.
3. Trường hợp khẩn cấp, các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và thành viên Ban Tổng Giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp trực tiếp, điện thoại hoặc email) cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc hoặc cả ba người để được giải quyết hiệu quả.
4. Ban kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, số liệu, hồ sơ của công ty trực tiếp qua các cán bộ công nhân viên phụ trách chuyên môn của các phòng ban trong Công ty. Trao đổi trực tiếp, gián tiếp giữa các Kiểm soát viên để làm sáng tỏ vấn đề quan tâm, phục vụ lợi ích chung.
5. Tổng Giám đốc phải thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban điều hành; Ban kiểm soát tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Hội đồng quản trị;
6. Tổng Giám đốc kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty giúp Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất;

7. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
8. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.
9. Tổng Giám đốc có quyền đề xuất, kiến nghị đến Hội đồng quản trị các nội dung liên quan hoạt động quản trị, điều hành và các nội dung khác.

CHƯƠNG VIII.

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 44. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác.

1. Đánh giá:

- a. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc để có báo cáo về kết quả hoạt động trong thời gian qua. Trên cơ sở này, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc.
- b. Tổng Giám đốc chủ trì công tác đánh giá các cán bộ quản lý từ Phó Tổng Giám đốc trở xuống. Trên cơ sở căn cứ vào Quy chế thi đua khen thưởng của công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận và của toàn công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:
 - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
 - Hoàn thành nhiệm vụ.
 - Không hoàn thành nhiệm vụ.

2. Khen thưởng:

- a. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc tổng hợp, trình Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- b. Chế độ khen thưởng bằng tiền, hoặc có thể bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng công ty và nguồn hợp pháp khác.
- c. Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng.

3. Xử lý vi phạm và kỷ luật:

- a. Hàng năm, công ty căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ kỷ luật, hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.
- b. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt

hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IX.

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 45. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định cụ thể như sau:

1. Có hiểu biết về pháp luật;
2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Tham dự các cuộc họp;
5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 47. Việc bổ nhiệm, bãi nhiệm và miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty

1. Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty.
 - a. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.
 - b. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.
 - c. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.
2. Bãi nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty:
 - a. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

- b. Hội đồng quản trị miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty thuộc một trong các trường hợp sau:
- Không đủ tiêu chuẩn, điều kiện làm Người phụ trách quản trị Công ty theo khoản 2 Điều 32 Điều lệ công ty.
 - Có đơn xin từ chức gửi đến Hội đồng quản trị.
 - Các trường hợp khác theo quy định của Hội đồng quản trị.

3. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Thông báo về bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG X.

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ THI HÀNH

Điều 48. Điều khoản sửa đổi, bổ sung

1. Trong quá trình thực hiện có phát sinh những nội dung mới, Hội đồng quản trị sẽ dự thảo, trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế này phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Công ty và quy định pháp luật.
2. Trong trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 49. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2018 và thay thế Quyết định số 24/PMC.HĐQT ngày 30/7/2013 của Hội đồng quản trị Công ty về việc ban hành Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic.
2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành, Người quản lý và cá nhân, đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này.